

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 13 - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HSST

Ngày: 29/5/2026

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Huy Viễn.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
  1. Ông Đinh Văn Linh.
  2. Ông Đinh Thế Song.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tình, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Hòa – Kiểm sát viên và ông Bùi Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2026/HSST, ngày 23 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Đinh Nâu, sinh ngày 01/01/2007 tại xã Y, tỉnh Gia Lai;  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Làng B, xã Y, tỉnh Gia Lai;  
Nơi cư trú: Thôn B, xã Y, tỉnh Gia Lai;  
Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Bahnar;  
giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;  
Con ông Đinh B (đã chết) và bà Đinh Thị J, sinh năm 1983.  
Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con lớn trong gia đình.  
Tiền án, tiền sự: Không;  
Nhân thân: Tốt.  
Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**\*Những người tham gia tố tụng:**

- **Người bào chữa cho các bị cáo Đinh N:** Ông Lê Thành S – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G – có mặt.
- **Bị hại:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn B, xã Y, tỉnh Gia Lai – có mặt.
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**
  1. Anh Đinh N1, sinh ngày 01/01/2011; địa chỉ: Làng H, xã K, tỉnh Gia Lai – có mặt.

**Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh Đinh N1):** Bà Đinh Thị J, sinh năm 1983; địa chỉ: Làng H, xã K, tỉnh Gia Lai – có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Đinh N1:** Bà Phạm Thùy L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G – có mặt.

2. Anh Trịnh Ngọc Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Làng N, xã K, tỉnh Gia Lai – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người phiên dịch tiếng Banhar:** Ông Lê Thanh M, giáo viên trường tiểu học Đ1, xã Đ, tỉnh Gia Lai – có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:** Khoảng 23 giờ ngày 10/12/2025, Đinh N (sinh ngày 01/01/2007), trú tại làng B, xã Y, tỉnh Gia Lai điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng, số khung RLCUE3740LY071471, số máy E32VE249127, không gắn biển kiểm soát chờ em ruột là Đinh N1 (sinh ngày 01/01/2011), trú tại làng H, xã K, tỉnh Gia Lai lưu thông trên đường T theo hướng từ xã K đi xã Y để về nhà. Khi đến thôn B, xã Y thì N1 nhìn thấy xe mô tô biển kiểm soát 81K1-019.32 của anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1974), trú tại thôn B, xã Y, tỉnh Gia Lai đang dựng bên hông nhà nên rủ N lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài thì N đồng ý. Sau đó, N dừng xe ở ngoài đường Tỉnh lộ 667 chờ sẵn, còn N1 một mình đi vào bên hông nhà anh Nguyễn Văn H, quan sát thấy không có ai, N1 lên lút dắt xe mô tô biển kiểm soát 81K1-019.32 (giấy tờ xe mô tô anh H để trong cốp xe) ra ngoài đường, rồi cùng N điều khiển xe mô tô đi về nhà thuộc thôn B, xã Y, tỉnh Gia Lai cất giấu. Đến khoảng 09 giờ ngày 11/12/2025, N điều khiển xe mô tô không biển kiểm soát của N, còn N1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81K1-019.32 đến tiệm sửa xe của anh Trịnh Ngọc Đ (sinh năm 1992), trú tại làng N, xã K, tỉnh Gia Lai để bán lấy tiền tiêu xài. Tại đây, N và N1 mượn dụng cụ của anh Đ để sửa xe. Một lúc sau, N1 chỉ tay về chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81K1-019.32 và hỏi anh Đ có mua xe không thì anh Đ hỏi N1 là “xe của ai, có giấy tờ không” thì N1 trả lời “xe của em” và đưa giấy tờ xe cho anh Đ kiểm tra. Sau khi kiểm tra thấy xe có giấy tờ, có chìa khóa, việc mua bán diễn ra ban ngày nên anh Đ không nghi ngờ gì về nguồn gốc xe và đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền thì N và N1 đi về nhà rồi chia nhau mỗi người số tiền 1.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 13/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự xã Y, tỉnh Gia Lai kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng, số máy: 5C63753782, số khung: 30DY753715, biển kiểm soát: 81K1-019.32, đã qua sử dụng, có giá trị là 4.333.000 đồng.

Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 192/KL-KTHS ngày 03/02/2026 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng xác định: Tại thời điểm ngày 10/12/2025, Đinh N có độ tuổi từ 18 năm 05 tháng đến 19 năm 05 tháng.

Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 985/KL-KTHS ngày 19/6/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng xác định: Tại thời điểm ngày 01/5/2025, Đinh N1 có độ tuổi từ 14 năm 02 tháng đến 14 năm 08 tháng. Do đó, tại thời điểm ngày 10/12/2025, Đinh N1 có độ tuổi từ 14 năm 09 tháng đến 15 năm 03 tháng.

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKS, ngày 21 tháng 4 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Gia Lai đã truy tố bị cáo Đinh N ra trước Toà án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Đinh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Đinh N từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng;

+ Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn nêu ý kiến đề nghị về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí trong vụ án.

\*Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì mà chỉ mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

\*Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Đinh N là ông Lê Thành S thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Gia Lai đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, không biết chữ và sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ đó, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất trong khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đồng thời đề nghị miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bị cáo; ngoài ra, người bào chữa còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

\*Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Đinh N1) là bà Phạm Thùy L thống nhất với tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cũng như mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân đã đề nghị đối với bị cáo Đinh N và không có ý kiến gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Gia Lai

trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo Đinh N được xác định theo lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa như sau: Vào khoảng 23h00', ngày 10/12/2025 tại nhà riêng của anh Nguyễn Văn H (thôn B, xã Y, tỉnh Gia Lai), bị cáo và em ruột là Đinh N1 đã lợi dụng sơ hở của anh H trong việc quản lý, trông coi tài sản để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp, chiếm đoạt của anh H chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81K1-019.32. Sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt, bị cáo và Đinh N1 đã đem bán chiếc xe cho anh Trịnh Ngọc Đ lấy 2.000.000 đồng và chia nhau tiêu xài hết. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng.

[3]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo Đinh N là phù hợp với lời khai báo của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Xét về nhân thân, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy rằng:

Bị cáo là một công dân đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi nên hoàn toàn nhận thức được việc xâm phạm tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì ham muốn thỏa mãn nhu cầu cá nhân, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp của bị hại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81K1-019.32 có giá trị là 4.333.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Chính vì vậy, cần xử phạt nghiêm đối với bị cáo thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bản thân bị cáo không biết chữ, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần cho bị cáo khi lượng hình.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình

sự cho bị cáo được hưởng án treo bên cạnh sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú cũng đủ cho bị cáo cải tạo, sửa đổi bản thân tiến bộ.

Đối với Đinh N1 là người khởi xướng, rủ rê Đinh N đồng thời là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, trong quá trình điều tra xác định tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội thì Đinh N1 là người dưới 16 tuổi nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm này. Do vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G không xử lý hình sự mà chuyển xử lý hành chính đối với N1 là đúng quy định của pháp luật.

Đối với ông Trịnh Ngọc Đ là người mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81K1-019.32 do Đinh N và Đinh Nêch B1, trong quá trình điều tra đã xác định được khi mua chiếc xe thì ông Đ không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Vì vậy, việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G không xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Đ về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Đinh N là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức án đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức án đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại trong vụ án là ông Nguyễn Văn H sau khi nhận lại tài sản bị mất là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81K1-019.32 nói trên. Tại phiên tòa ông H không có yêu cầu gì đối với bị cáo về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng ông Trịnh Ngọc Đ đã đưa cho bị cáo và Đinh N1 để mua chiếc xe mô tô nói trên thì ông Đ không yêu cầu bị cáo Đinh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh N1 phải trả lại số tiền này. Tại phiên tòa, ông Đ vắng mặt nên nếu sau này có tranh chấp hay yêu cầu bồi thường thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[9]. Về vật chứng vụ án: Vật chứng vụ án là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81K1-019.32 là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn H. Sau khi định giá, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã trả lại chiếc xe trên cho ông H. Việc xử lý vật chứng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

Đối với chiếc xe mô tô Đinh N sử dụng đi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định xe mô tô trên có biển kiểm soát là 77L2-212.75, chủ xe là bà Nguyễn Thị Bích C, (sinh năm 1969), trú tại tổ F, khu phố F, phường Q, tỉnh Gia Lai. Vào tháng 01/2024, bà C đã bán xe mô tô trên cho người khác (không

xác định được lai lịch) với số tiền 10.000.000 đồng, không làm giấy tờ mua bán, không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Đến tháng 4/2025, Đình N mua lại xe mô tô trên của người khác (không xác định lai lịch) với số tiền 11.000.000 đồng, không làm giấy tờ mua bán, không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Theo cơ sở dữ liệu vật chứng do Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C1 quản lý tính đến ngày 26/01/2026 thì xe mô tô biển kiểm soát 77L2-212.75, số máy: E32VE249127, số khung: RLCUE3740LY071471 không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Do vậy, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đình N là người sở hữu và quản lý, sử dụng hợp pháp chiếc xe mô tô trên. Xét đây là phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng do bán xe mô tô trộm cắp mà có, bị cáo Đình N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Đình N1 đã chia nhau mỗi người 1.000.000 đồng và tiêu xài hết. Trong quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Ngọc Đ không yêu cầu Đình N và Đình N1 phải trả lại số tiền đó. Xét số tiền này là tài sản do Đình N và Đình N1 phạm tội mà có và đã tiêu xài hết nên cần buộc Đình N và Đình N1 mỗi người phải nộp lại 1.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Do Đình N1 là người chưa thành niên và không có tài sản gì nên cần buộc người đại diện hợp pháp của Đình N1 là bà Đình Thị J có trách nhiệm nộp khoản tiền nói trên là phù hợp.

[10]. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Đình N là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, có đơn xin miễn án phí do đó Hội đồng xét xử sẽ miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo;

[11]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định chung.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Đình N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**2. Về hình phạt:** Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Đình N **07** (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **14** (mười bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án (ngày 29/5/2026).

Giao bị cáo Đình N cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú là Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Gia Lai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Đình N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đinh Nâu .

**3. Về vật chứng:** Áp dụng khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Xử tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng, số máy E32VE249127, số khung RLCUE3740LY071471, không gắn biển kiểm soát, đã qua sử dụng.

*(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 29/4/2026 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Gia Lai).*

- Xử buộc bị cáo Đinh N và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh Đinh N2) là bà Đinh Thị J mỗi người phải nộp lại số tiền thu lời bất chính là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Xử miễn toàn bộ số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) cho bị cáo Đinh Nâu .

**5. Về quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**6.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13 – Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Thi hành án HS, DS;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Huy Viễn**